|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I**  **CÁNH DIỀU** |

**I. MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện cười | 3 | 0 | 5 | 0 | 0 | 2 | 0 |  | 60 |
| Hài kịch |
| Văn bản nghị luận |
| Văn bản thông tin |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề của đời sống | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| Thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên hoặc giới thiệu một cuốn sách |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**II. BẢNG ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/**  **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ**  **nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện cười | **Nhận biết:**  - Nhận biết đề tài, bối cảnh, cốt truyện, tình huống, nhân vật, các chi tiết tiêu biểu trong truyện cười.  - Nhận biết được các yếu tố gây cười trong truyện cười.  - Nhận biết được đối tượng trào phúng, châm biếm trong truyện cười.  - Nhận biết được các trợ từ, thán từ, thành phần biệt lập, các loại câu phân loại theo mục đích giao tiếp.  **Thông hiểu**:  - Phân tích được tình cảm, thái độ của tác giả dân gian với đối tượng trào phúng thể hiện qua văn bản.  - Phân tích được tác dụng của các chi tiết, tình huống gây cười.  - Khái quát, rút ra được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản.  - Xác định được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng; sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ; tác dụng của từ tượng thanh, từ tượng hình, biện pháp đảo ngữ, câu hỏi tu từ được sử dụng trong văn bản.  - Xác định được nghĩa tường minh và hàm ý; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả qua văn bản.  - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, nhận thức của bản thân sau khi đọc văn bản.  - Vận dụng những hiểu biết về vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận văn học để đánh giá giá trị của truyện cười. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| Hài kịch | **Nhận biết:**  - Nhận biết được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, thủ pháp trào phúng.  - Nhận biết được cách phân cảnh, hồi, cốt truyện và nhân vật của hài kịch.  - Nhận biết được các trợ từ, thán từ, thành phần biệt lập, các loại câu phân loại theo mục giao tiếp.  **Thông hiểu:**  **-** Tóm tắt được cốt truyện của vở kịch.  - Phân tích được vai trò, tác dụng của một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, lời thoại, thủ pháp trào phúng.  - Phân tích được những đặc điểm của nhân vật kịch thể hiện qua hành động, ngôn ngữ, xung đột.  - Hiểu và lí giải được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của vở kịch.  - Xác định được sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ; tác dụng của từ tượng thanh, từ tượng hình, biện pháp đảo ngữ được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong văn bản kịch.  - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc văn bản hoặc xem diễn xuất vở kịch. |
| Văn bản nghị luận | **Nhận biết:**  - Xác định được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản.  - Nhận biết được các trợ từ, thán từ, thành phần biệt lập, các loại câu phân loại theo mục giao tiếp được sử dụng trong văn bản. Xác định được một số thành ngữ thông dụng, các yếu tố Hán Việt.  **Thông hiểu:**  - Nêu được nội dung bao quát của văn bản.  - Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.  - Phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết.  - Xác định được sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ; tác dụng của từ tượng thanh,  từ tượng hình, biện pháp đảo ngữ được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng**:  - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.  - Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại.  - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình/ đồng tình một phần với quan điểm của tác giả. |
| Văn bản thông tin | **Nhận biết:**  - Nhận biết được đặc điểm của một số kiểu văn bản thông tin như: văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên; văn bản giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim đã xem.  - Nhận biết được cách trình bày thông tin trong văn bản như theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng của đối tượng hoặc cách so sánh và đối chiếu.  - Nhận biết được các trợ từ, thành phần biệt lập, các loại câu phân loại theo mục giao tiếp được sử dụng trong văn bản. Xác định được một số thành ngữ thông dụng, các yếu tố Hán Việt.  **Thông hiểu**:  - Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản.  - Phân tích được đặc điểm của một số kiểu văn bản thông tin: văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên; văn bản giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim đã xem; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.  - Phân tích được cách trình bày thông tin trong văn bản như theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng của đối tượng hoặc cách so sánh và đối chiếu.  **Vận dụng**:  - Liên hệ được thông tin trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại.  - Đánh giá được hiệu quả biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một văn bản cụ thể. |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề của đời sống | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:** Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống. Trình bày rõ vấn đề và thể hiện rõ ý kiến (đồng tình hay phản đối) về vấn đề đó; nêu được lí lẽ và bằng chứng thuyết phục. |  |  |  | 1TL\* |
| Thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên hoặc giới thiệu một cuốn sách | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:** Viết được bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên hoặc giới thiệu một cuốn sách; nêu được những thông tin quan trọng; trình bày mạch lạc, thuyết phục. |
| **Tổng** | | |  | **3 TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

|  |  |
| --- | --- |
| Họ và tên:..............................................  Lớp 8:....................................................  **Điểm** | *Ngày kiểm tra:……../……../ 2024*  **ĐỀ KTĐG CUỐI HỌC KÌ I**  **NĂM HỌC 2023- 2024**  **Môn: Ngữ văn –Lớp 8 ( Tiết 70 + 71 )**  Thời gian: 90 phút*( không kể thời gian giao đề)* |

**ĐỀ SỐ 1**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

**TAM ĐẠI CON GÀ**

*Xưa, có anh học trò học hành dốt nát, nhưng trò đời “Xấu hay làm tốt, dốt hay chơi chữ”, đi đâu cũng lên mặt văn hay chữ tốt.*

*Có người tưởng anh ta hay chữ thật, mới đón về dạy trẻ.*

*Một hôm, dạy sách Tam thiên tự, sau chữ “tước” là chim sẻ, đến chữ “kê” là gà, thầy thấy mặt chữ nhiều nét rắc rối, không biết chữ gì, học trò lại hỏi gấp, thầy cuống, nói liều: “Dủ dỉ là con dù dì”. Thầy cũng khôn, sợ nhỡ sai, người nào biết thì xấu hổ, mới bảo học trò đọc khẽ, tuy vậy, trong lòng thầy vẫn thấp thỏm.*

*Nhân trong nhà có bàn thờ thổ công, thầy mới đến khấn thầm xin ba đài âm dương để xem chữ ấy có phải thật là “dù dì” không. Thổ công cho ba đài được cả ba.*

*Thấy vậy, thầy lấy làm đắc chí lắm, hôm sau bệ vệ ngồi trên giường, bảo trẻ đọc cho to. Trò vâng lời thầy, gân cổ lên gào:*

*- Dủ dỉ là con dù dì! Dủ dỉ là con dù dì…*

*Bố chúng đang cuốc đất ngoài vườn, nghe tiếng học, ngạc nhiên bỏ cuốc chạy vào, giở sách ra xem, hỏi thầy:*

*- Chết chửa! Chữ “kê” là gà, sao thầy lại dạy ra “dủ dỉ” là con “dù dì”?*

*Bấy giờ thầy mới nghĩ thầm: “Mình đã dốt, thổ công nhà nó cũng dốt nữa”, nhưng*

*nhanh trí thầy vội nói gỡ:*

*- Tôi vẫn biết chữ ấy là chữ “kê” mà “kê” nghĩa là “gà” nhưng tôi dạy cháu thế là dạy cho cháu nó biết tận tam đại con gà kia.*

*Chủ nhà càng không hiểu, hỏi:*

*- Tam đại con gà là nghĩa ra làm sao?*

*- Thế này nhé! Dủ dỉ là con dù dì, dù dì là chị con công, con công là ông con gà!*

( SGK Ngữ văn 10, Trang 78-79, Tập I, NXBGD 2006)

**1. Điền vào bảng chữ cái đầu của phương án trả lời đúng nhất:**

**Câu 1 (0.5 điểm).** Đối tượng trào phúng, châm biếm trong truyện *“Tam đại con gà”*  là ai ?

A. Thầy đồ B. Học trò C. Bố học trò D. Thổ công

**Câu 2 (0.5 điểm):** Yếu tố gây cười nhất trong truyện “ *Tam đại con gà”* là gì ?

A. Cái dốt của kẻ thất học B. Thói giấu dốt, sĩ diện hão của thầy đồ C. Cái dốt của học trò D. Đã dốt lại cả gan đi dạy trẻ

**Câu 3 (0.5 điểm).** Trong truyện *“Tam đại con gà”,* thầy đồ được đặt vào mấy tình huống gây cười ?

A. Hai tình huống B. Ba tình huống

C. Bốn tình huống D. Năm tình huống

# **Câu 4 (0.5 điểm).** Chi tiết thầy đồ bảo học trò đọc khẽ câu *“Dủ dỉ là con dù dì”* có ý nghĩa gì?

A. Có ý che giấu, không để người khác học lỏm

B. Thể hiện sự ngụy biện, chống chế cho sai lầm của mình

C. Thể hiện sự dốt nát, mê tín của thầy đồ

D. Đây là biểu hiện cho sự thận trọng muốn che giấu cái dốt của mình

**Câu 5 (0.5 điểm).** Em hiểu thế nào về nghĩa của từ *“thổ công”*?

A. Vị thần trông coi về sự sống.

B. Vị thần trông coi việc bếp núc trong gia đình.

C. Vị thần trông coi nhà cửa, đất cát gia đình.

D. Vị thần se duyên đôi lứa.

**Câu 6 (0.5 điểm).** Chi tiết “*thầy đến khấn thầm xin ba đài âm dương để xem chữ ấy có phải thật là “dù dì” không”,* cho biết thầy đồ trong câu chuyện là người như thế nào?

A. Là một học trò dốt nhưng hay nói chữ, mê tín dị đoan.

B. Là một người học rộng, tài cao.

C. Là người yêu quý trẻ con.

D. Là người rất ham học hỏi.

**Câu 7 (0.5 điểm). Em có nhận xét gì về những điều ông thầy đã làm trong truyện *“Tam đại con gà”*?**

A. Đây là những hành động thể hiện sự khôn lỏi

B. Đây là những hành động phổ biến trong xã hội lúc bấy giờ

C. Đây là những hành động thể hiện sự liều lĩnh của thầy đồ

D. Đây là những hành động trái với tự nhiên, không thể có trong công việc dạy học của một người thầy đích thực

**Câu 8 (0.5 điểm).** Nội dung được đề cập trong câu chuyện trên nhằm mục đích gì?

A. Mua vui, giải trí

B. Phê phán sự coi thường của người cha đối với thầy đồ

C. Phê phán thói hư, tật xấu của thầy đồ xưa

D. Phê phán thói dốt nát và sĩ diện hão của ông thầy đồ xưa

**2. Trả lời câu hỏi/ thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9 (1,0 điểm).** Hãy nêu bài học ý nghĩa nhất đối với em rút ra từ văn bản trên.

**Câu 10 (1,0 điểm).** Qua câu chuyện, tác giả dân gian đã phê phán kiểu người nào trong xã hội bấy giờ?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Viết một bài văn trình bày ý kiến của em về vấn đề bạo lực học đường hiện nay.

**BÀI LÀM**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Đáp án |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |
| --- |
|  |
|  |

**IV. HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | D | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|  | **9** | HS hiểu được tiếng cười trào phúng từ câu chuyện, qua đó rút ra bài học ý nghĩa nhất cho bản thân, đó có thể là phải luôn học hỏi, không nên che giấu cái dốt của mình, không nên sĩ diện hão,… | 1,0 |
|  | **10** | Tác giả phê phán thói dốt nát và sĩ diện hão của những ông thầy đồ ngày xưa. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:* Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khẳng định vấn đề. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề:* vấn đề bạo lực học đường hiện nay |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm:*  Học sinh viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối), đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng thuyết phục. Bài viết cần đảm bảo các yêu cầu sau:  **\* Mở bài:**  - Nêu vấn đề cần nghị luận: vấn đề bạo lực học đường  - Bày tỏ ý kiến riêng của cá nhân ( phản đối)  **\* Thân bài:**  - Nêu ra thực trạng vấn đề bạo lực trong học đường  - Phân tích các nguyên nhân, hậu quả của bạo lực học đường  - Chỉ ra các giải pháp cần tiến hành để loại bỏ vấn đề bạo lực trong học đường.  \* Kết bài:  - Khẳng định lại ý kiến  - Liên hệ bản thân | 3,5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp:* Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lí lẽ thuyết phục, bằng chứng xác thực. |

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |